UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ AN THÀNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 251 /BC - UBND	*An Thành, ngày 22 tháng 11 năm 2025*

BÁO CÁO
Về Công khai thuyết minh điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc phê chuẩn Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND thành phố Hải phòng về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phuowng và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 4/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã An Thành về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 xã An Thành sau sắp xếp.

UBND xã An Thành báo cáo công khai thuyết minh điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2025, như sau:

A. Công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025, như sau:

1. Nội dung công khai:

Công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 theo Thông tư 343/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Hình thức công khai

Công khai trên trang thông tin điện tử http://anthanh.haiphong.gov.vn

3. Thời điểm công khai

Báo cáo công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã trình Hội đồng nhân dân xã được công khai vào ngày 14/11/2025.

Báo cáo công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn được công khai vào ngày 24/11/2025.

B. Thuyết minh điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025

I. Cơ sở pháp lý:

- Luật NSNN năm 2015 (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 30) quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp: "*Quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSĐP; Quyết định điều chỉnh dự toán NSĐP trong trường hợp cần thiết*".

- Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND thành phố Hải phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải phòng sau sắp xếp.

- Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 5/8/2025 của UBND xã An Thành về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư công xã An Thành sau sắp xếp năm 2025.

II. Sự cần thiết điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã

Việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách xã năm 2025 là cần thiết, xuất phát từ các lý do sau:

Thực hiện Công điện số 184/CĐ-TTg ngày 02/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều hành ngân sách những tháng cuối năm 2025; trong đó yêu cầu các địa phương triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; rà soát, sắp xếp và điều chỉnh dự toán theo quy định; chủ động cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong quá trình tổ chức thực hiện chính quyền địa phương mô hình 02 cấp, phát sinh một số nội dung, nhiệm vụ mới chưa được giao trong dự toán đầu năm 2025. Qua rà soát, đối chiếu phương án xử lý tài chính đã có sự điều chỉnh, thay đổi so với dự kiến ban đầu, làm ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu, kinh phí đã phân bổ cũng như nhu cầu sử dụng ngân sách tại cấp xã.

Mặt khác, phương án xử lý tài chính của ngân sách cấp huyện (trước khi giải thể) và phương án dự toán của ngân sách cấp xã (sau khi thực hiện sắp xếp) được xây dựng, báo cáo vào thời điểm cuối tháng 6 năm 2025. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, một số nội dung xử lý tài chính theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch có điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với thực tế và các hướng dẫn, bổ sung của Sở, ngành.

Theo đó, để đảm bảo cân đối, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách xã là thực sự phù hợp và cần thiết.

III. Phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND thành phố tại Văn bản số 2515/UBND-TC ngày 03/10/2025 về việc triển khai thực hiện Công điện số 180/CĐ-TTg ngày 30/9/2025 và Công điện số 184/CĐ-TTg ngày 02/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời căn cứ điều chỉnh phương án xử lý tài chính và tình hình thực tế của địa phương, UBND xã báo cáo cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng dự toán thu ngân sách Nhà nước sau điều chỉnh là: 164 tỷ 041 triệu đồng; tăng 1 tỷ 287 triệu đồng so với dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

2. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách địa phương

Tổng dự toán thu ngân sách địa phương sau điều chỉnh là 121 tỷ 317 triệu đồng; tăng 1 tỷ 287 triệu đồng so với dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, trong đó:

- Thu nội địa: 10.063 triệu đồng, trong đó:

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 551 triệu đồng;

+ Thuế thu nhập cá nhân: 343 triệu đồng;

+ Lệ phí trước bạ: 790 triệu đồng;

+ Thu phí, lệ phí: 89 triệu đồng;

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 395 triệu đồng;

+ Thu tiền sử dụng đất: 7.500 triệu đồng

+ Thu khác ngân sách: 130 triệu đồng

+ Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 265 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 111.254 triệu đồng, tăng 1 tỷ 287 triệu đồng so với dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

(*Chi tiết kèm theo Biểu số 109*)

3. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương

3.1. Dự toán chi sau điều chỉnh

Tổng dự toán chi ngân sách xã sau điều chỉnh là 121 tỷ 317 triệu đồng; tăng 1 tỷ 287 triệu đồng so với dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, trong đó:

- Chi đầu tư sau điều chỉnh là: 7 tỷ 500 triệu đồng, bằng so với dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

- Chi thường xuyên sau điều chỉnh là 109 tỷ 725 triệu đồng; tăng 2 tỷ 641 triệu đồng so dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

- Tiết kiệm chi 10% *(thực hiện NQ 173/NQ-CP)*: 190 triệu đồng; bằng so với dự toán được giao Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

- Dự phòng ngân sách xã sau điều chỉnh là: 3 tỷ 902 triệu đồng; giảm 1 tỷ 354 triệu đồng so dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND.

3.2. Nội dung và nguyên nhân điều chỉnh dự toán chi thường xuyên

Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên tăng 1 tỷ 287 triệu đồng so với dự toán được giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, bao gồm:

- Giảm sự nghiệp chi quốc phòng đối với dự toán giao đầu năm của Ban chỉ huy quân sự huyện thuộc tỉnh Hải Dương (cũ) chuyển về ngân sách cấp tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự thành phố), số tiền là 288 triệu đồng, đồng thời, điều chỉnh tăng dự toán kinh phí quốc phòng đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 600 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kinh phí sự nghiệp an ninh đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 2 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kinh phí sự nghiệp giáo dục (dự toán giao đầu năm của UBND huyện (cũ) chuyển về ngân sách xã sau sắp xếp) là 1 tỷ 605 triệu đồng, điều chỉnh giảm sự nghiệp đào tạo chuyển về sự nghiệp quản lý Nhà nước là 61 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm dự toán sự nghiệp y tế đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 42 triệu đồng, điều chỉnh giảm dự toán chuyển về sự nghiệp quản lý Nhà nước là 106 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán sự nghiệp văn hóa đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 221 triệu đồng, điều chỉnh giảm dự toán chuyển về sự nghiệp quản lý Nhà nước là 100 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm dự toán sự nghiệp phát thanh, truyền hình đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là: 20 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán sự nghiệp thể thao đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 13 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm dự toán sự nghiệp môi trường đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 18 triệu đồng, điều chỉnh giảm dự toán chuyển về sự nghiệp quản lý Nhà nước là: 300 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán sự nghiệp kinh tế (nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa chi duy tu, sửa chữa đường giao thông và nguồn kinh phí kiến thiết thị chính khác) do nhận kinh phí từ dự toán của UBND huyện (cũ) đã bố trí là 1 tỷ 327 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm dự toán sự nghiệp quản lý nhà nước đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 403 triệu đồng, điều chỉnh tăng sự nghiệp quản lý Nhà nước là: 567 triệu đồng (nhận từ kinh phí dự toán sự nghiệp y tế là 106 triệu đồng, sự nghiệp môi trường là 300 triệu đồng, sự nghiệp đào tạo là 61 triệu đồng, sự nghiệp văn hóa, thông tin là 100 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm dự toán sự nghiệp đảm bảo xã hội đã được bố trí trong dự toán của 03 xã cũ trước sắp xếp so với dự toán của UBND huyện (cũ) giao là 352 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm dự phòng ngân sách xã do phù hợp với phương án xử lý tài chính điều chuyển giữa các xã sau sắp xếp là 1 tỷ 354 triệu đồng.

(Chi tiết kèm theo Biểu số 110)

III. Dự toán cân đối thu, chi ngân sách xã sau điều chỉnh

1. Tổng thu ngân sách xã là 121.317 triệu đồng.

- Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 10.063 triệu đồng, trong đó:

+ Thu ngân sách xã hưởng 100% là: 484 triệu đồng.

+ Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia: 9.579 triệu đồng.

- Thu bổ sung cân đối là: 111.254 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách xã là: 121.317 triệu đồng

- Chi đầu tư phát triển: 7.500 triệu đồng,
- Chi thường xuyên (chưa gồm tiết kiệm 10%) là: 109.725 triệu đồng,
- Tiết kiệm 10% thực hiện NQ 173/NQ-CP là: 190 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách xã: 3.902 triệu đồng.

(Chi tiết kèm theo Biểu số 108)

IV. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025

1. Sự cần thiết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 là cần thiết, xuất phát từ các lý do sau:

- Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Giúp phân bổ nguồn vốn đến đúng đơn vị có năng lực và phù hợp với nhu cầu thực tế của dự án.

- Tránh tình trạng dàn trải: Hạn chế việc vốn bị chia nhỏ cho quá nhiều dự án, gây lãng phí và kéo dài thời gian thực hiện.

- Tạo điều kiện thúc đẩy các dự án có khả năng triển khai tốt có thể nhận vốn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tăng tỷ lệ giải ngân cho địa phương.

- Giúp các dự án hoàn thành đúng kế hoạch, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu hút thêm các nguồn vốn khác.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh

Trên cơ sở điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã An Thành theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 4/8/2025:

2.1.Tổng nguồn vốn đầu tư công đã giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND của xã An Thành sau sắp xếp là: 24 tỷ 096 triệu đồng.

2.2. Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch đầu tư công đã giao của 03 dự án là 1 tỷ 180 triệu đồng, cụ thể là:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chử là: 330 triệu đồng;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chử là: 350 triệu đồng;

- Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 3 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM là: 500 triệu đồng.

2.3. Điều chỉnh tăng, bổ sung vốn kế hoạch đầu tư công đã giao của 03 dự án là 10 tỷ 532 triệu đồng, cụ thể là:

- Cải tạo sân vườn trường Tiểu học Kim Tân là 497 triệu đồng, nguồn khác đã bố trí và giải ngân của xã Kim Tân (cũ).

- Cổng nghĩa trang liệt sỹ là 279 triệu đồng.

- Trụ sở làm việc Công an là 286 triệu đồng.

- Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 01- thôn Viên Chử là 186 triệu đồng.

- Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 02- thôn Viên Chử là 186 triệu đồng.

- Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 03 - thôn Viên Chử là 190 triệu đồng.

- Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 04 - thôn Viên Chử là 190 triệu đồng.

- Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 05- thôn Hải Ninh là 191 triệu đồng.

- Nhà đa năng trường Tiểu học Kim Đính là 578 triệu đồng, nguồn NTM từ ngân sách tỉnh đã bố trí và giải ngân của xã Kim Đính (cũ).

- Xây dựng tuyến đường trục xã (từ QL 17B đến ngã tư đội 18), xã Kim Đính là 2.000 triệu đồng, nguồn NTM từ ngân sách tỉnh đã bố trí và đã giải ngân của xã Kim Đính (cũ).

- Trạm y tế xã Kim Đính là 1.155 triệu đồng, trong đó nguồn NTM từ ngân sách tỉnh đã bố trí 600 triệu đồng và đã giải ngân của xã Kim Đính (cũ).

- NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đính là 1.822 triệu đồng; từ nguồn NTM từ ngân sách tỉnh đã bố trí và đã giải ngân của xã Kim Đính (cũ).

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh là 2 tỷ 772 triệu đồng.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 01 thôn Viên Chử là 200 triệu đồng.

2.4.Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 của xã An Thành sau điều chỉnh là: 33 tỷ 448 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 17 tỷ 357 triệu đồng;

- Nguồn vốn ngân sách xã bố trí là: 13 tỷ 355 triệu đồng;

- Nguồn vốn khác là 2 tỷ 736 triệu đồng.

(*Chi tiết kèm theo Biểu số 111*)

V. Một số giải pháp tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

1. Thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản theo quy định của Pháp luật, tổ chức quản lý khai thác tốt các nguồn thu, quản lý tôt các khoản thu có điều kiện tăng thu, phấn đấu thu hoàn thành các sắc thuế theo dự toán UBND thành phố giao.

2. Tăng cường biện pháp chống thất thu. Phấn đấu thu ngân sách, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương. Nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025 để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động đến tăng giảm nguồn thu, điều chỉnh kịp thời các khoản thu để dự toán sát với thực tế, có giải pháp quyết liệt phấn đấu tăng thu ngân sách so với dự toán UBND thành phố giao.

4. Thực hiện luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách, đảm bảo công khai các khoản chi, chi đúng nguồn, đúng việc. Trong trường hợp hụt thu thì thực hiện cắt giảm các khoản chi tương ứng, ưu tiên kinh phí để chi trả lương, chế độ chính sách, chế độ an sinh xã hội, không để xảy ra nợ chế độ chính sách cho con người. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chế độ chính sách, kỷ luật tài chính.

5. Thực hiện các khoản chi theo đúng dự toán được giao, ưu tiên các nhiệm vụ chính trị quan trọng căn cứ vào số thu để đảm bảo thực hiện chi phù hợp. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán trong việc sử dụng ngân sách năm 2025.

6. Tập trung nguồn vốn đảm bảo cho các công trình đầu tư công triển khai năm 2025.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh điều chỉnh dự toán thu ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thắng

UBND XÃ AN THÀNH

Biểu số 108/CKTC - NSNN

CÂN ĐỐI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Báo cáo số 254 /BC-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
TỔNG SỐ THU	**121.317**	**TỔNG SỐ CHI**	**121.317**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**484**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**7.500**
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	**9.579**	**II. Chi thường xuyên**	**109.915**
III. Thu bổ sung	**111.254**	**III. Dự phòng**	**3.902**
- Bổ sung cân đối	111.254		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

UBND XÃ AN THÀNH

Biểu số 109/CKTC - NSNN

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Báo cáo số 251/BC-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	*B*	*1*	*2*
	TỔNG SỐ THU	**164.041**	**121.317**
I	**Các khoản thu xã hưởng 100%**	**484**	**484**
	Phí, lệ phí	89	89
	Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	265	265
	Thu khác	130	130
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**52.303**	**9.579**
1	**Các khoản thu phân chia**	**2.303**	**2.079**
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	395	395
	Lệ phí trước bạ nhà đất	790	790
	Thuế thu nhập cá nhân 80%	429	343
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	689	551
2	**Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh quy định**	**50.000**	**7.500**
	Đấu giá quyền sử dụng đất	50.000	7.500
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**111.254**	**111.254**
	- Bổ sung cân đối	111.254	111.254
	- Bổ sung có mục tiêu		

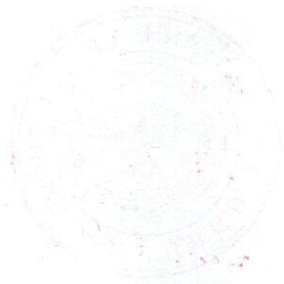

UBND XÃ AN THÀNH

Biểu số 110/CKTC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Báo cáo số 251 /BC-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2025 của UBND xã An Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG CỘNG	ĐẦU TƯ PT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**121.317**	**7.500**	**113.817**
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	71.595		71.595
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0
3	Chi y tế	30		30
4	Chi văn hóa thông tin, truyền thanh	615		615
5	Chi thể dục thể thao	225		225
6	Chi bảo vệ môi trường	1.120		1.120
7	Chi các hoạt động kinh tế	2.373		2.373
8	Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể, An ninh, quân sự	35.902	7.500	28.402
9	Chi công tác xã hội	5.365		5.365
10	Chi hỗ trợ các hiệp Hội khác	0		0
11	Tiết kiệm 10% TX	190		190
12	Dự phòng ngân sách xã	3.902		3.902

UBND XÃ AN THÀNH

Biểu số 111/CKTC - NSNN

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 251 /BC-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2025 của UBND xã An Thành)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					*Trong đó: Thanh toán XDCB*	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của nhân dân							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	Vốn khác		
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	18
	Tổng cộng:		**141.413**		**(12.484)**	**128.929**	**73.401**	**22.110**	**24.096**	**9.352**	**33.448**	**-**	**17.357**	**13.355**	**2.736**	**16.531**	
I	**Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước**		**89.480**		**(5.257)**	**84.223**	**61.109**	**19.123**	**15.853**	**2.583**	**18.436**	**-**	**14.935**	**1.508**	**1.993**	**16.327**	
1	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng trường mầm non	2019-2019	966		-	966	-	949	834		**834**		834			834	
2	XD Nhà 1 tầng 5 phòng học trường mầm non Hải Ninh	2018-2018	5.257		(5.257)	-					-		-			-	
3	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh	2019-2019	344		-	344	-	321	276		**276**		276			276	
4	Cải tạo nhà văn hóa thôn Viên Chữ, xã Kim Tân; Hạng mục: tôn nền sân, nhà để xe, nhà văn hóa, cổng tường rào, nhà vệ sinh	2019-2019	530		-	530	-	521	454		**454**		454			454	
5	Cải tạo, sửa chữa hội trường trung tâm xã Kim Tân (cũ)	2019-2019	938		-	938	-	922	799		**799**		799			799	
6	Nhà nhạc họa và lán tôn trường mầm non Kim Tân	2019-2019	315		-	315	-	310	270		**270**		270			270	
7	Sửa chữa, cải tạo cổng, hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân (cũ)	2019-2019	1.017		-	1.017	-	1.006	884		**884**		884			884	
8	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân (cũ)	2020-2020	528		-	528	-	522	459		**459**		459			459	
9	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	1.062		-	1.062	-	446	389		**389**		389			389	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					*Trong đó: Thanh toán XDCB*	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của nhân dân							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	Vốn khác		
10	Cổng nghĩa trang liệt sỹ	2022-2022	321		-	321		280		279	**279**			279			
11	San lấp và xây mới cổng, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	2018-2018	950		-	950	-	852	631		**631**		631			631	
12	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân. Hạng mục: Sân vườn, kỳ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	2020-2021	4.682		-	4.682	2.401	2.030	1.971		**1.971**		1.971			1.971	
13	Các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã kim tân. Công trình: Nhà vòm, khu thực nghiệm	2019-2019	1.085		-	1.085	639	446	321		**321**		321			321	
14	Cải tạo sân vườn trường tiểu học Kim Tân	2024-2024	547		-	547	503	44	-	497	**497**				497	497	
15	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; hạng mục: Nhà bếp ăn, nghi bán trú 2 tầng	2022-2023	3.992		-	3.992	3.570	378	244		**244**		244			244	
16	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; Hạng mục: Nhà Đa Năng	2022-2023	4.615		-	4.615	3.676	884	546		**546**		546			546	
17	Trụ sở làm việc Công an xã Kim Tân, huyện Kim Thành	2023-2024	6.229		-	6.229	4.092	1.818	1.525	286	**1.811**		1.525	286		1.811	
18	Trường Tiểu học Kim Tân, hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2022-2022	3.374		-	3.374	3.220	100	100		**100**		100			100	
19	Cải tạo cổng, tường rào trường THCS Kim Tân	2021-2022	500		-	500	283	214	214		**214**		214			214	
20	Xây dựng kè mương giáp điểm dân cư mới thôn Thiên Đông và mở rộng cầu vào trường THCS Kim Tân	2021-2022	483		-	483	190	307	307		**307**		307			307	
21	Xây dựng kè đường vào trạm y tế	2023-2023	500		-	500	434	434	434		**434**		434			434	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					*Trong đó: Thanh toán XDCB*	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của nhân dân							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	Vốn khác		
22	Tuyến đường nội đồng từ đường nhựa đến nghĩa trang thôn Viên Chử	2020-2021	1.699		-	1.699	1.378	218	218		**218**		218			218	
23	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 1 – thôn Viên Chử	2024-2024	186		-	186		186		186	**186**			186			
24	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 2 – thôn Viên Chử	2024-2024	186		-	186		186		186	**186**			186			
25	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 3 – thôn Viên Chử	2024-2024	190		-	190		190		190	**190**			190			
26	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 4 - thôn Viên Chử	2024-2024	190		-	190		190		190	**190**			190			
27	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 5 - thôn Hải Ninh	2024-2024	191		-	191		191		191	**191**			191			
28	NLH 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Kim Đính	2020-2021	5.107		-	5.107	4.756	351			-						
29	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đính	2019-2020	4.770		-	4.770	3.651	33			-						
30	Trụ sở công an xã Kim Đính (cũ)	2023-2024	6.140		-	6.140	4.412	1.727	1.748		1.748		1.700		48	1.748	
31	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Đính (cũ)	2019-2020	1.957		-	1.957	1.946	11	11		11				11	11	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					*Trong đó: Thanh toán XDCB*	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của nhân dân							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	Vốn khác		
32	Nhà đa năng trường Tiểu học Kim Đính	2019-2020	1.615		-	1.615			-	578	578		578				
33	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc (cũ)	2023-2024	3.425		-	3.425	2.694	731	731		731		422		309	422	
34	NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	2021-2022	8.024		-	8.024	7.648	376	376		376				376	376	
35	Xây dựng đường GT nội đồng đoạn từ Giếng Lợ Chiềng Ngai xã Ngũ Phúc	2023-2024	1.130		-	1.130	1.000	130	130		130				130	130	
36	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Dưỡng Mông xã Ngũ Phúc (đoạn từ nhà ông Thi đến nhà ông Nhẫn)	2024-2024	388		-	388	-	388	388		388				388	388	
37	XD đường giao thông nội đồng từ đội 18 đến bãi cao thôn Bằng Lai	2023-2023	5.641		-	5.641	5.632	9	9		9				9	9	
38	Xây dựng đường giao thông nội đồng khu vực dộc sâu thôn Dưỡng Mông	2023-2023	392		-	392	329	63	63		63				63	63	
39	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc (cũ)	2023-2024	6.522		-	6.522	5.546	976	1.138		1.138		976		162	1.138	
40	Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và sân bê tông trụ sở UBND xã Ngũ Phúc (cũ)	2023-2023	3.492		-	3.492	3.109	383	383		383		383			383	
II	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025**		**27.397**		**(2.983)**	**24.414**	**12.292**	**2.987**	**743**	**4.977**	**5.720**	**-**	**2.422**	**2.555**	**743**	**204**	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông	2024-2025	1.840			1.840	1.170	670	204		204				204	204	
2	Xây dựng tuyến đường trục xã (từ QL 17B đến ngã tư đội 18)	2024-2025	5.903			5.903	4.539	956	536	2.000	2.536			2.000	536		
3	Đường giao thông nội đồng Sông Mới	2024-2025	1.034			1.034	963	65	3		3				3		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					*Trong đó: Thanh toán XDCB*	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của nhân dân							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	Vốn khác		
4	Trạm y tế xã Kim Đính (cũ)	2024-2025	6.425			6.425	1.100	555	-	1.155	1.155		600	555			
5	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đính	2024-2025	8.945			8.945	4.520	741	-	1.822	1.822		1.822				
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cống Dừa xã Kim Tân	2024-2025	585		(585)	-			-		-						
7	Cải tạo cổng và đường vào trường Tiểu học Kim Tân	2024-2025	450		(450)	-			-		-						
8	Nâng cấp cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (đoạn từ đường xóm ra đến khu trang trại ông Khoái)	2024-2025	486		(486)	-			-		-						
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân (đoạn từ khu tân đồng ra đến khu chăn nuôi)	2024-2025	484		(484)	-			-		-						
10	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Nhã đến giáp xóm 8)	2024-2025	485		(485)	-			-		-						
11	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Trung đến giáp xóm 8)	2024-2025	493		(493)	-			-		-						
12	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn Hải Ninh	2024-2025	267			267			-		-						
IV	**Dự án khởi công mới năm 2025**		**24.536**		**(4.244)**	**20.292**	**-**	**-**	**7.500**	**1.792**	**9.292**	**-**	**-**	**9.292**	**-**	**-**	
1	NLH 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	2025	11.806		(11.806)	-			-		-						
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh	2025-2025	7.339		4.135	11.474			2.402	2.772	5.174			5.174			

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Điều chỉnh tăng, giảm tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					*Trong đó: Thanh toán XDCB*	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó, nguồn đóng góp của nhân dân							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã	Vốn khác		
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chử	2025-2025	2.115		1.345	3.460			1.988	(330)	1.658			1.658			
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chử	2025-2025	2.445		1.610	4.055			2.299	(350)	1.949			1.949			
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chử	2025-2025	331		272	603			311	-	311			311			
6	XD hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 01 thôn Viên Chử	2025-2025			200	200			-	200	200			200			
7	Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 3 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM	2025-2025	500			500			500	(500)	-			-			